| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO<br>TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 344/2023/HS-PT
Ngày 30-5 -2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thanh Thúy
*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Thanh Dũng
Ông Phạm Trí Tuấn

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2023/HSPT ngày 03 tháng 01 năm 2023. Do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn C và Nguyễn Thành L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 524/2022/HS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

**1/Phạm Văn C**; Sinh ngày 20/8/1975 tại tỉnh P; TH trú: Khu phố 5, thị trấn H, thị xã Đ, tỉnh P; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty TNHH TM DV XNK D; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Võ Thị C (đã chết); Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thụy Lâm Ngọc T và 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 24/6/2021 – ( có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C: Luật sư Trần Văn C

**2/Nguyễn Thành L;** Sinh ngày 13/11/1988 tại tỉnh P; TH trú: Thôn L, xã H, thị xã Đ, tỉnh P; Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty TNHH MTV chuyên chở hàng hóa V; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Lê Hồng N và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 24/6/2021 ( có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C: Luật sư Trần Văn C thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L: Luật sư Võ M và Luật Lê Thị Bạch Y thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

*(Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu D (Công ty D), trụ sở tại Quận 3, Thành phố H, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314170637 ngày 26/12/2016; Vốn điều lệ: 500.000.000 đồng; Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: giao nhận hàng hoá); Người đại diện theo pháp luật: Phạm Văn C, chức danh: Giám đốc.

Ngày 17/10/2018, Công ty D mở Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 102279312110 tại Chi cục hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I, khai báo hàng hóa là giấy dán tường – Wall paper, size: 1,06m x 15,6m/cuộn, mới 100%, số lượng: 13.750kg, đơn giá hóa đơn: 0,54USD/kg, đơn giá tính thuế: 12.584,7 VNĐ/kg, trị giá hóa đơn: 7.425 USD (tương đương với 173.039.625 đồng), mã hàng hóa 4814.20.90, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 25%, tổng tiền thuế phải nộp: 64.889.859 đồng, tờ khai được hệ thống phân luồng vàng.

Ngày 18/10/2018, Công ty D có Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu số 102279312111, thay đổi số lượng hàng hóa: 2.700 cuộn, đơn giá hóa đơn 2,75 USD/cuộn, đơn giá tính thuế: 64.088,75 đồng/cuộn, các thông tin khác không thay đổi so với Tờ khai số 102279312110 ngày 17/10/2018, công chức hải quan đề nghị doanh nghiệp thực hiện tham vấn giá theo khoản 14 điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018.

Ngày 20/10/2018, Công ty D có Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu số 102279312112, xin đăng ký tham vấn giá ngày 20/10/2018, các thông tin khác không thay đổi so với Tờ khai số 102279312111 ngày 18/10/2018.

Sau khi tham vấn giá hải quan là 22 USD/cuộn, Công ty D xin được xuất trả hàng hóa. Ngày 07/01/2019, Chi cục hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I đã tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa xác định số lượng thực tế là 4.800 cuộn giấy dán tường, khai thiếu số lượng 2.100 cuộn.

Ngày 22/01/2019, Công ty D đã có văn bản gửi Chi cục hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I giải trình về lô hàng trên, do sai sót của người gửi hàng trong quá trình đóng hàng nên thực tế lô hàng có sự sai khác giữa số lượng trên chứng từ và số lượng trên thực tế.

Ngày 18/02/2019, Chi cục hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I ra Quyết định chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm số 517/QĐ-KV1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra xác định, Việc nhập khẩu lô hàng được Phạm Văn C và Nguyễn Thành L thực hiện như sau:

Cuối tháng 9/2018, Nguyễn Thị Tuyết H liên hệ Phạm Văn C, thỏa thuận miệng ủy thác Công ty D làm thủ tục nhập khẩu cho H 01 container hàng giấy dán tường từ H về Việt Nam, là hàng thanh lý mua theo lô, không biết chính xác trọng lượng, số cuộn.

Ngày 28/9/2019, Cao liên hệ Nguyễn Thành L trao đổi việc nhập lô hàng cho H. Đầu tháng 10/2018, H gửi cho Cao file mềm vận đơn, không kèm theo chứng từ nhập khẩu nào khác. Ngày 06/10/2018, qua ứng dụng Zalo, Cao gửi cho L vận đơn này để L chuẩn bị làm thủ tục nhập khẩu lô hàng.

Ngày 17/10/2018, qua ứng dụng Zalo, Cao gửi cho L các thông tin về lô hàng gồm: 0,54 x 13.750kg = 7.425USD, khổ: 1.2m x 15m (sau sửa lại thành 1.06m x 15.6m), 18$m^2$ x 2.700 cuộn = 48.600 $m^2$, chỉ đạo L thảo invoice, packing list. Căn cứ các thông tin do Cao gửi, L dùng máy tính soạn thảo invoice, packing list với thông tin lô hàng như sau: Tên hàng Wall Paper size: 1.06m x 15.6m, trọng lượng 13.750kg, đơn giá 0,54USD/kg, thành tiền: 7.425USD, số của invoice, packing list được lấy theo thông tin "Invoice No.: TG181002" ghi trên vận đơn, tự ghi ngày 02/10/2018. Sau đó L gửi lại file invoice, packing list cho Cao kiểm tra. Sau khi Cao đồng ý, L sử dụng các file invoice, packing list tự thảo, chuyển thành file dạng pdf, sử dụng pháp nhân Công ty D để mở truyền Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 102279312110, ngày 17/10/2018.

Tuy nhiên, do Cơ quan hải quan không chấp nhận khai báo theo lô hàng theo kg, nên theo chỉ đạo của Cao, L tiếp tục chỉnh sửa invoice, packing list từ 13.750 kg thành 2.700 cuộn, đơn giá từ 0,54 USD/kg thành 2,75 USD/cuộn và truyền Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu số 102279312111, ngày 18/10/2018.

Ngày 18/10/2018; Chi cục hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I xác định giá đối với mặt hàng giấy dán tường, mới 100%, xuất xứ H là 22 USD/cuộn.

Ngày 07/01/2019, Chi cục hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I kiểm tra thực tế, kết quả như sau: Giấy dán tường, không rõ nhãn hiệu, size

1,06m x 15,6m/cuộn, hàng mới 100%, xuất xứ không thể hiện, số lượng 20 pallet = 4.800 cuộn, mã số hàng hóa 48142090, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 25%.

Sau khi bị Cơ quan hải quan phát hiện, yêu cầu phải nộp bổ sung hợp đồng, Cao đã yêu cầu Nguyễn Thành L lập hợp đồng mua bán giả số TG-DT180910, ngày 10/9/2018, L tự ký tên Taehyung Kim, đưa Cao ký tên, đóng dấu Công ty D, sau đó phô tô hợp đồng giả, ký sao y nộp cơ quan hải quan, không lưu giữ bản gốc hợp đồng giả.

Để hợp thức hóa, ngày 22/01/2019 Cao chỉ đạo L thảo văn bản gửi Chi cục hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I giải trình với nội dung: do sai sót của người gửi hàng trong quá trình đóng hàng nên thực tế lô hàng có sự sai khác giữa số lượng trên chứng từ và số lượng trên thực tế.

Xác minh tại Công ty TNHH giao nhận Đại Đông được biết: Công ty Đại Đông là đại lý xếp hàng cho lô hàng nhập khẩu của Công ty D. Công ty D do Phạm Văn C làm giám đốc là đơn vị trực tiếp nhận hàng ở Việt Nam, đóng lệ phí cho Công ty Đại Đông và nhận lệnh giao hàng.

Phạm Văn C khai: Tháng 9/2018, Cao nhận ủy thác miệng (không lập hợp đồng) từ Nguyễn Thị Tuyết H (ở tỉnh B) để nhập khẩu lô hàng giấy dán tường từ H, H gửi cho Cao các chứng từ gồm bill, invoice, packing list. Nhận thấy chứng từ H gửi chỉ có tên hàng hóa, trọng lượng, đơn giá theo kg, thành tiền, C có hỏi H kích thước, trọng lượng cuộn để tự ước tính số lượng cuộn. Sau đó C liên hệ, chỉ đạo Nguyễn Thành L làm giả các chứng từ nhập khẩu nêu như trên nhằm khai báo, nhập khẩu lô hàng giấy dán tường, lấy được lô hàng. Khi hải quan kiểm tra, phát hiện sai phạm, Cao tiếp tục yêu cầu L làm giả hợp đồng để nộp cho cơ quan hải quan. Quá trình thực hiện, ngoài H, L, không có ai khác tham gia cùng C.

Nguyễn Thành L khai: L là nhân viên xuất nhập khẩu, làm việc tại Công ty TNHH MTV chuyên chở hàng hóa V, quen biết Phạm Văn C. Cuối tháng 9/2018, C liên hệ nhờ L làm thủ tục nhập khẩu lô hàng giấy dán tường từ H, L không biết chủ hàng là ai. Qua trao đổi, L biết được là đây hàng chợ, hàng gom, hàng tồn kho, không giấy tờ, muốn nhập khẩu phải tự làm invoice, packing list. L đồng ý làm cho Cao. Theo chỉ đạo của C, L đã làm giả invoice, packing list, hợp đồng, thảo giải trình với Cơ quan hải quan. L được Cao trả công 1.500.000đ. Quá trình thực hiện, ngoài C, không có ai khác tham gia cùng L.

Kiểm tra điện thoại, máy tính, thư điện tử của Phạm Văn C, Nguyễn Thành L có các nội dung trao đổi về việc mở tờ khai lô hàng giấy dán tường, dữ liệu liên quan đến lô hàng giấy dáng tường gồm: file pdf của bill tàu, invoice, packing list, file excel của invoice, packing list, tờ khai, file word của hợp đồng. Nội dung các file invoice, packing list, hợp đồng trùng khớp với các

hồ sơ Công ty D đã sử dụng để khai báo hải quan, bản thảo của bản giải trình, công văn xin xuất trả, đơn đề nghị hủy tờ khai, nội dung tương tự các văn bản mà Công ty D đã nộp cho cơ quan hải quan.

Kiểm tra điện thoại của Nguyễn Thị Tuyết H, thu được một số hình ảnh về các kiện giấy dán tường xếp vào container, không thu được tin nhắn giữa H với Cao và bên bán tại H.

Kết quả tương trợ tư pháp tại H xác định: Công ty TG (TGcompany) do ông Kim Tae Hyung làm đai diện có bán lô hàng giấy dán tường còn người mua hàng tại khu vực "B", không nhớ rõ thông tin người mua hàng; Hàng hóa giao dịch là giấy dán tường phế phẩm, số lượng là 4.800 cuộn, kích thước là 1,06m x 15,6m, đựng trong container số BMOU5819976, seal số DJS875918, trọng lượng 14.500kg, giá trị lô hàng trên tờ khai xuất khẩu là 8.702 USD (9.605.265 won). Công ty TG không lập Hợp đồng mua bán, invoice và packing list đối với lô hàng.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp thành phố có kết luận định giá tài sản số 6718/KL-HĐĐGTS ngày 31/10/2019 xác định: 2.100 cuộn giấy dán tường vi phạm có giá 1.210.299.300 đồng tại thời điểm tháng 10/2018.

Tại bản cáo trạng số 462/CT-VKS-P2 ngày 27/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thành L về tội: "Buôn lậu" theo điểm a khoản 4 Điều 188 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 524/2022/HS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

**Căn cứ** điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 12 (mười hai) năm tù về tội "Buôn lậu".

Thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2021.

**Căn cứ** điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38 và Điều 50; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 10 (mười) năm tù về tội "Buôn lậu".

Thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 30/11/2022 bị cáo Phạm Văn C kháng cáo kêu oan.

- Ngày 28/11/2022, bị cáo Nguyễn Thành L kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Văn C và Nguyễn Thành L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C - Luật sư Trần Văn C trình bày: Bị cáo Cao không có chủ ý khai báo thiếu số lượng hang hóa, bị cáo khai dựa trên bill tàu mà bà H cung cấp và yêu cầu của cơ quan Hải quan phải khai báo theo cuộn. Thời điểm khai báo, bị cáo không biết số lượng hàng hóa dư 2.100 cuộn. Bị cáo nhập khẩu lô hàng không vì mục đích vụ lợi, bị cáo cũng không phải là chủ lô hàng nên không có mục đích nhập khẩu lô hàng bán để kiếm lời. Cấp sơ thẩm sử dụng các lời khai của Cao, L, H để buộc tội bị cáo trong khi các lời khai này có quá nhiều mâu thuẫn không được đối chất làm rõ. Việc cơ quan tố tụng xác định bà Nguyễn Thị Tuyết H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng, hồ sơ vụ án thể hiện bà H là chủ lô hang giấy dán tường. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn C, chấp nhận lời bào chữa của luật sư, hủy bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ vụ án để điều tra xét xử lại.

Bị cáo Cao đồng ý quan điểm bào chữa của luật sư không có ý kiến gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L :

Luật sư Lê Thị Bạch Y trình bày: Bản án sơ thẩm tuyên bị cáo L 10 năm tù về tôi Buôn lậu là không đúng người, đúng tội. Bởi, bị cáo L không phải là người giao dịch mua bán giấy dán tường, khi lô hàng về Việt Nam, bị cáo được thuê đánh máy các chứng từ nhập khẩu theo yêu cầu của Phạm Văn C để nhận số tiền công là 1.500.000 đồng. Do bị cáo là người làm dịch vụ nhập khẩu hàng hóa nên việc tự soạn thảo các invoice, packing list là công việc bị cáo phải làm. Theo kết quả tương trợ tư pháp, chủ hàng là người ở B, chưa được Cơ quan điều tra làm rõ, chồng bà H là người đi đóng thuế nhập khẩu, nhưng không làm rõ trách nhiệm của Nguyễn Thị Tuyết H là không phù hợp. Về giá trị hàng hóa, theo kết quả tương trợ tư pháp thể hiện là hàng thứ phẩm, có giá khoảng 173 triệu đồng, các cuộn giấy dán tường có khối lượng khác nhau nhưng chỉ lấy 01 cuộn để xác định giá trị toàn bộ số hàng vượt quá là hơn 1,2 tỷ đồng là không phù hợp. Về mặt chủ quan, bị cáo L không có động cơ, mục đích phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận lời bào chữa của luật sư, căn cứ điểm c khoản 1, điều 355 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015. Hủy bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ vụ án để điều tra xét xử lại.

Luật sư Võ M trình bày bài bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L: Luật sư đồng ý với quan điểm của luật sư đồng nghiệp, do hành vi của bị cáo không đáp ứng các yếu tố cấu thành tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1, điều 355 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận lời

bào chữa của luật sư, hủy bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ vụ án để điều tra xét xử lại.

Bị cáo Nguyễn Thành L bào chữa bổ sung: Bị cáo chỉ là người làm công, ăn lương, bị cáo không phải chủ hàng nên mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là quá cao, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Văn C và bị cáo Nguyễn Thành L về tội "Buôn lậu" là đúng người đúng tội. Các bị cáo kháng cáo kêu oan là không có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo kêu oan của các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo nằm trong hạn luật định phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với kết luận giám định, vật chứng thu giữ và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Phạm Văn C là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu D (Công ty D), có ngành nghề kinh doanh giao nhận hành hóa. Tháng 9/2018, Nguyễn Thị Tuyết H liên hệ với Cao để làm thủ tục nhập khẩu lô hàng hóa là giấy dán tường từ H về Việt Nam. Mặc dù, biết việc mua bán hàng hóa quốc tế giữa H và TGCompany, H, không có hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, hóa đơn thương mại nhưng Cao vẫn sử dụng pháp nhân Công ty D để làm thủ tục mở tờ khai hải quan, nhập khẩu đơn hàng. Thông qua vận đơn, hình ảnh hàng hóa được chất lên container mà H cung cấp, Cao thuê và chỉ đạo Nguyễn Thành L soạn thảo hóa đơn thương mại, bảng chi tiết đóng gói hàng hóa, mở Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 102279312110 ngày 17/10/2018, Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu số 102279312111 ngày 18/10/2018 và Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu số 102279312112 ngày 20/10/2018 tại Chi cục hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I để thông quan lô hàng giấy dán tường, kích thước 1,06mx15,6m/cuộn, mới 100%, số lượng 2.700 cuộn, đơn giá 2,75USD/cuộn, trị giá tính thuế nhập khẩu là 173.039.625 đồng. Do kết quả tham vấn giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu là 22USD/cuộn nên Cao chỉ đạo L soạn văn bản không số, đề ngày 22/10/2018 đề nghị xuất trả hàng hóa và hủy tờ khai số 102279312112. Ngày 07/01/2019, Chi cục hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn, Khu vực I lập biên bản

chứng nhận số 5/BB-HC12 ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế xác định, loại hàng hóa: Giấy dán tường, không rõ nhãn hiệu, kích thước 1,06m x 15,6m/cuộn, hàng mới 100%, không thể hiện xuất xứ, số lượng 4.800 cuộn, mã số hàng hóa 48142090, thuế suất nhập khẩu 25%. Toàn bộ lô hàng đóng trong container số BMOU5819976/niêm seal HQ số H16.0827815, số hàng hóa thừa so với khai báo là 2.100 cuộn. Khi được hải quan yêu cầu cung cấp hợp đồng thương mại mua bán lô hàng trên, Cao tiếp tục chỉ đạo L soạn thảo hợp đồng mua bán số TG-DT180910 ngày 10/9/2018, giả chữ ký người bán TeaHyung Kim và phô tô con dấu của công ty TGCompany rồi đưa Cao ký tên đơn vị mua hàng (Công ty D) để sao y, nộp cho cơ quan Hải quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và các luật sư bào chữa cho rằng hành vi mà các bị cáo thực hiện không phạm tội "Buôn lậu", do các bị cáo không phải là chủ thể của tội phạm, hành vi khách quan chưa xâm hại đến khách thể của tội buôn lậu và giá trị hàng hóa theo kết luận định giá tài sản là chưa phù hợp với kết quả hỗ trợ tư pháp phía H xác định lô hàng giấy dán tường là phế phẩm.

Xét thấy, căn cứ hồ sơ hải quan do Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I giao nộp, dữ liệu điện tử khai thác từ máy tính của Nguyễn Thành L, tài khoản Zalo, hộp thư điện tử của Phạm Văn C, Nguyễn Thành L, lời khai của Nguyễn Thị Tuyết H xác định: Thời điểm nhận lời nhập khẩu lô hàng giấy dán tường từ H về Việt Nam, Phạm Văn C, Nguyễn Thành L biết rõ khối lượng container hàng khoảng 20 tấn nhưng có thể làm vận đơn 14 tấn, nếu khai giá cao thì thuế sẽ cao, chủ hàng không chấp nhận. Kết quả tương trợ tư pháp phía H thể hiện lô hàng giấy dán tường số lượng 4.800 cuộn. Đồng thời, các bị cáo biết việc mua bán giữa chủ hàng hóa với người bán phía H không có hợp đồng, hóa đơn thương mại, bảng kê chi tiết đóng gói hàng hóa nhưng vẫn chấp nhận sử dụng pháp nhân Công ty D do Phạm Văn C là người đại diện theo pháp luật, tự soạn thảo hóa đơn thương mại, bảng kê chi tiết đóng gói hàng hóa, mở tờ khai hải quan khai báo không đúng số lượng hàng hóa, nhằm nhập lậu 2.100 cuộn giấy dán tường vào lưu thông trên thị trường Việt Nam nên thỏa mãn quy định về mặt chủ thể và mặt khách quan của tội phạm quy định tại Điều 188 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về giá trị hàng hóa vi phạm, theo tờ khai hải quan số 102279312112/A11, đăng ký ngày 17/10/2018, bổ sung ngày 20/10/2018 của Công ty D thể hiện loại hàng hóa nhập khẩu là giấy dán tường, mới 100%, phù hợp với biên bản chứng nhận số 5/BB-HC12 ngày 07/01/2019 của Chi cục hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn, Khu vực I lập ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa. Do đó, biên bản cuộc họp định giá số 6717/BB-HĐĐGTS, lập ngày 31/10/2019 và Kết luận định giá tài sản số: 6718/KL-HĐĐGTS ngày 31/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản tH xuyên trong tố tụng hình sự cấp Thành phố xác định 2.100 cuộn giấy dán tường nhập khẩu từ H, theo giá thị trường tại thời điểm tháng 10/2018 là: 1.210.299.300 đồng (mức giá chưa bao gồm 10% VAT và chi phí thi công) là có cơ sở.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thành L về tội "Buôn lậu" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Hành vi  phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu hàng hóa.Các bị cáo đều là người đã thành niên, không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự, có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu, dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng hóa, hiểu rõ các quy định pháp luật thương mại Việt Nam về buôn bán hàng hóa qua biên giới nhưng vì tư lợi, các bị cáo đã tự soạn thảo hóa đơn thương mại, bảng chi tiết đóng gói hàng hóa, mở tờ khai hải quan khai gian dối về số lượng hàng hóa nhằm thông quan trái quy định 2.100 cuộn giấy dán tường, trị giá 1.210.299.300 đồng thuộc trường hợp "vật phạm pháp trị giá từ 1.000.000.000 đồng trở lên".

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn C và Nguyễn Thành L cho rằng không phạm tội "Buôn lậu" : Các bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh mình không có hành vi buôn lâu để Hội đồng xét xử xem xét. Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhân. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Phạm Văn C 12 năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 10 năm tù là phù hợp. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận. Giữ y bản án sơ thẩm.

[6] Đối với hành vi của Phạm Văn C, Nguyễn Thành L soạn thảo bộ chứng từ, gồm: hóa đơn thương mại, bảng chi tiết đóng gói hàng hóa, hợp đồng thương mại của Công ty TGcompany và giả chữ ký của ông Kim Tea Hyung – Người đại diện theo pháp luật của Công ty TGcompany và sử dụng bộ chứng từ thực hiện thủ tục nhập khẩu, tái xuất hàng hóa. Tuy nhiên, quá trình điều tra không thu được bản chính của các chứng từ nêu trên, do đó, không đủ cơ sở xử lý trách nhiệm đối với Phạm Văn C, Nguyễn Thành L về hành vi "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Đối với Nguyễn Thị Tuyết H là người mua thực tế lô hàng giấy dán tường. Quá trình điều tra xác định, H biết lô hàng giấy dán tường mua Kim Tea Hyung không có hóa đơn, chứng từ thể hiện nguồn gốc hàng hóa và từ việc mua bán với Kim Tea Hyung không có hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nên đã liên hệ Phạm Văn C để Cao sử dụng pháp nhân Công ty D làm thủ tục nhập khẩu lô hàng. Quá trình mở tờ khai hải quan, khi cán bộ Hải quan yêu cầu Công ty D phải khai báo giấy dán tường theo cuộn, Cao có gọi cho H hỏi và được H cung cấp trọng lượng từng cuộn từ 4,5 đến 5,5 kg, sau đó Cao tự ước lượng ra 2.700 cuộn. H có nói với Cao "anh tính thế nào hợp lý cho em thì anh làm". Việc chỉnh sửa hồ sơ do Cao làm và Cao có thông báo cho H biết việc chỉnh sửa hồ sơ để nộp cho Hải quan. Giải thích về tin nhắn với L "Cỡ 20

tấn, nếu cần làm bill khoảng 14 tấn", Cao cho biết H có nói với Cao lô hàng khoảng 20 tấn, Cao nói với H 20 tấn thì khó nhập về nên đóng hàng khoảng 14-15 tấn nhưng thực tế lô hàng có trọng lượng 19,2 tấn là tương đương với trọng lượng H báo cho Cao lúc đầu. Xét, Nguyễn Thị Tuyết H là chủ hàng, biết việc bị cáo Phạm Văn C làm giả hóa đơn thương mại, bảng chi tiết đóng gói hàng hóa để thực hiện khai báo hải quan nhập khẩu hàng hóa và biết việc Cao khai báo Hải quan số lượng hàng hóa là 2.700 cuộn giấy dán tường nhưng không có hành vi ngăn cản mà thể hiện thái độ bỏ mặc cho hành vi phạm tội xảy ra nên cần kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ trách nhiệm của Nguyễn Thị Tuyết H, nếu đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự trong một vụ án khác.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[8]. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thành L phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn THành L, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 12 (mười hai) năm tù về tội "Buôn lậu".

Thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2021.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58; Điều 38 và Điều 50; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 10 (mười) năm tù về tội "Buôn lậu".

Thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2021.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phạm Văn C và Nguyễn Thành L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Trại tạm giam công an TP.HCM;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Hồ Thị Thanh Thúy**